

Bản án số: 94/2024/HS-ST
Ngày: 15-8-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐIỆN BIÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà Nguyễn Thị Hòa.

Các Hội thẩm nhân dân: ông Trần Ngọc Diệp,

Bà Vương Kim Tâm.

- Thư ký phiên tòa: bà Nguyễn Kim Phụng, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Điện Biên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên tham gia phiên tòa: bà Nhữ Thị Thanh Nhân, Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Điện Biên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 94/2024/TLST-HS ngày 27 tháng 6 năm 2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 96/2024/QĐXXST-HS ngày 02/8/2024 và Quyết định bổ sung quyết định đưa vụ án ra xét xử số 107/2024/QĐXXST-HS, ngày 14/8/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Điện Biên đối với bị cáo:

Nguyễn Tuấn A, sinh ngày 25/02/1983, tại thành phố Hà Nội; Nơi ĐKKTT: tổ dân phố 3, phường V, quận N, thành phố Hà Nội; Nơi ở trước khi bị bắt: số phòng 1304 CT3 khu đô thị mới V, tổ dân phố 12, phường V, quận N, thành phố Hà Nội; Nghề nghiệp: lao động tự do; Trình độ văn hóa: 05/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Đoàn H (đã chết) và bà Trịnh Thị Nh, sinh năm 1957; Vợ Nguyễn Thị H, sinh năm 1983 và có 04 con, con lớn nhất sinh năm 2006, con nhỏ nhất sinh năm 2016; Tiền án: không; Tiền sự: không; Nhân thân: Ngày 05/4/1999, bị Tòa án nhân dân huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội xử phạt 24 tháng tù cho hưởng án treo thời gian thử thách 48 tháng về tội Cướp tài sản, đã được xóa án tích; Ngày 30/7/2015, bị Tòa án nhân dân quận N, thành phố Hà Nội xử phạt 03 năm tù, ngày 28/9/2015 bị Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội xét xử phúc thẩm, xử phạt 36 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 60 tháng về tội Cố ý gây thương tích, đã được xóa án tích; Ngày 28/3/2007 bị Công an huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội xử phạt 500.000 đồng về hành vi Đánh bạc, đã được xóa tiền sự; Ngày 13/6/2007, bị Công an xã Trung Văn, huyện Từ Liêm (nay là phường V, quận N, thành phố Hà Nội) xử phạt 350.000 đồng về hành vi Đánh người, đã

được xóa tiền sự; Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 09/12/2023 cho đến nay, có mặt tại phiên tòa.

- *Bị hại:*

+) Ông Lương Văn S, sinh năm 1979, địa chỉ: bản N, xã Q, huyện T tỉnh Điện Biên, có mặt.

+) Ông Trương Xuân H, sinh năm 1959, địa chỉ: bản M, xã Mn, huyện T, tỉnh Điện Biên, có mặt.

+) Anh Trương Xuân H1, sinh năm 1983, địa chỉ: tổ 1, phường N, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên, vắng mặt có lý do.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

+) Ông Tòng Văn B, sinh năm 1974, địa chỉ: bản L, xã Q, huyện T, tỉnh Điện Biên, vắng mặt có lý do.

+) Ông Văn Viết T, sinh năm 1987, địa chỉ: xóm 2, thôn L, xã Đ, huyện H, thành phố Hà Nội, vắng mặt có lý do.

+) Ông Đào Xuân Tr, sinh năm 1983, địa chỉ: tổ 3, phường N, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên, vắng mặt có lý do.

- *Người làm chứng:* ông Lê Văn U, sinh năm: 1988; địa chỉ: bản S, xã Q, huyện T, tỉnh Điện Biên, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Bị cáo Nguyễn Tuấn A làm nghề lao động tự do, không phải cán bộ Công an, không có nhiệm vụ, quyền hạn trong công tác cán bộ và kết nạp Đảng trong ngành Công an. Tuy nhiên, để có tiền sử dụng cho mục đích cá nhân, bị cáo đã nhiều lần đưa ra thông tin giả, lợi dụng lòng tin chiếm đoạt tài sản của người khác, cụ thể như sau:

Lần thứ nhất: vào khoảng tháng 03/2022, thông qua mối quan hệ xã hội và trao đổi mua bán gỗ, bị cáo Nguyễn Tuấn A quen với ông Lương Văn S, sinh năm 1979, trú tại: bản N, xã Q, huyện T, tỉnh Điện Biên. Qua những lần gặp gỡ, ông S tin bị cáo A là cán bộ đang công tác tại Bộ Công an, mới được điều động lên Công an tỉnh Điện Biên công tác. Ông S nói có cháu tên là Tòng Văn S đang thực hiện nghĩa vụ Công an tại Trại tạm giam Công an tỉnh Điện Biên; bị cáo A hỏi ông S có muốn xin cho Sơn vào biên chế ngành Công an không, nếu có thì phải xin từng bước từ xin giấy khen, kết nạp Đảng để được cộng điểm thi đại học, sau đó vào Công an chuyên nghiệp, bị cáo A có nhiều mối quan hệ có thể giúp được gia đình. Ông S thấy bị cáo A mối quan hệ quen biết nhiều người nên tin tưởng những lời bị cáo A nói là thật và đã nói chuyện lại với ông Tòng Văn B bố đẻ của cháu Tòng Văn S. Đến khoảng tháng 6/2022, ông S đưa bị cáo A vào nhà ông B ăn cơm, bị cáo A tiếp tục nói với ông S, ông B về việc xin cho

Son vào biên chế và phải mất một ít tiền để đi lãnh đạo (lãnh đạo nào thì ông S, ông B không biết), ông B nói nhờ bị cáo A giúp.

Khoảng tháng 7/2022, bị cáo Nguyễn Tuấn A đề nghị ông S đưa cho bị cáo khoảng từ 100.000.000 đồng (*Một trăm triệu đồng*) đến 200.000.000 đồng (*Hai trăm triệu đồng*) để lo công việc cho Sơn; ông S nói chuyện lại với ông B để chuẩn bị tiền. Do điều kiện gia đình khó khăn, ông B chỉ chuẩn bị được 50.000.000 đồng (*Năm mươi triệu đồng*) đưa cho ông S để chuyển cho bị cáo A nhờ lo công việc cho Sơn như đã hứa. Bị cáo Nguyễn Tuấn A đồng ý nhận trước số tiền 50.000.000 đồng (*Năm mươi triệu đồng*); ông S mang tiền đến cửa hàng rượu của bị cáo A tại phường T, thành phố Đ và đưa trực tiếp số tiền 50.000.000 đồng (*Năm mươi triệu đồng*) cho bị cáo A; đồng thời kể lại với ông B việc bị cáo A đã nhận tiền và hứa sẽ giúp đỡ S. Sau khi nhận tiền từ ông S, bị cáo A không nhờ ai giúp đỡ, không thực hiện những lời đã hứa mà tiêu xài cho mục đích cá nhân hết. Đến tháng 8/2023, cháu Tòng Văn S thi đại học không đỗ, cũng không có tên trong danh sách kết nạp Đảng và không được tặng giấy khen nên ông S liên hệ với bị cáo A hỏi thì được bị cáo A trả lời không can thiệp được, chỉ lo được cho cháu những vấn đề về nội bộ. Sau đó, ông S nhiều lần nhắn tin, gọi điện xin lại số tiền 50.000.000 đồng nhưng bị cáo A khất lần không đưa, sau đó đến ngày 28/11/2023, bị cáo A đã gửi tiền nhờ bạn là anh Đào Xuân Tr, sinh năm 1983, trú tại tổ 3, phường N, thành phố Đ chuyển tiền vào tài khoản cho ông S và bảo ông S không được nói chuyện với ai. Ông S nhận lại số tiền 50.000.000 đồng (*Năm mươi triệu đồng*) và trả lại cho ông B. Sau đó, ông S nhận thấy bị cáo Nguyễn Tuấn A có hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản nên làm đơn trình báo với Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Điện Biên.

Lần thứ hai: đầu năm 2022, anh Trương Xuân H1, nguyên là Đội trưởng đội hình sự, kinh tế, ma túy Công an huyện Tuần Giáo gặp và quen biết với bị cáo Nguyễn Tuấn A. Bị cáo Nguyễn Tuấn A giới thiệu là cán bộ Công an công tác ở Bộ Công an, cấp hàm Trung tá, mới được tăng cường lên Công an tỉnh Điện Biên, có quen biết nhiều lãnh đạo. Tháng 4/2022, anh H1 được điều chuyển công tác về Công an xã M, huyện T; anh H1 kể cho bị cáo A biết, bị cáo nói có thể xin cho anh H1 được quay lại cương vị cũ ở Công an huyện Tuần Giáo, nhưng phải đưa cho bị cáo A 500.000.000 đồng (*Năm trăm triệu đồng*) để lo việc. Khoảng tháng 5/2022, bị cáo Nguyễn Tuấn A cùng ông Lê Văn U, sinh năm 1988, trú tại bản S, xã Q, huyện T, tỉnh Điện Biên đến nhà anh H1 chơi. Khi nói chuyện với ông Trương Xuân H (bố của anh H1), bị cáo Nguyễn Tuấn A cũng tự giới thiệu bản thân là Trung tá ở Bộ Công an lên giúp việc cho Giám đốc Công an tỉnh Điện Biên, có thể xin chuyển ngành công tác cho anh em trong ngành Công an. Nghe vậy, ông H nói chuyện với bị cáo A nghe về việc của anh H1, bị cáo A hứa sẽ giúp anh H1 được chuyển công tác về Công an huyện Tuần Giáo cho gần nhà và yêu cầu ông H chuẩn bị 500.000.000 đồng (*Năm trăm triệu đồng*), ông H nói số tiền lớn như vậy để bàn bạc với gia đình; sau đó, ông H đã nói lại với anh H1 về việc này. Khoảng tháng 6/2022, bị cáo Nguyễn Tuấn A gọi điện cho anh H1, nói sẽ nhờ anh Nguyễn Văn T là người giúp việc của Giám

độc Công an tỉnh Điện Biên giúp anh H1 được chuyển công tác về Công an huyện Tuần Giáo, anh H1 chuẩn bị ngay số tiền 400.000.000 đồng (*Bốn trăm triệu đồng*) đưa cho bị cáo A để lo việc, hẹn đến tháng 10/2022 sẽ được về huyện Tuần Giáo theo nguyện vọng. Anh H1 gọi điện bảo ông H chuyển tiền để đưa cho T. Ngày 20/6/2022, ông H rút tiền tiết kiệm của mình và chuyển 400.000.000 đồng (*Bốn trăm triệu đồng*) vào tài khoản của anh H1, anh H1 theo hướng dẫn của bị cáo đã chuyển tiền qua tài khoản ngân hàng mang tên Văn Viết T, sinh năm 1987, trú tại X, thôn L, xã Đ, huyện H, thành phố Hà Nội. Sau khi được T thông báo đã nhận được tiền của anh H1, bị cáo A bảo anh T rút tiền mặt 100.000.000 đồng (*Một trăm triệu đồng*) đưa cho bị cáo, 300.000.000 đồng (*Ba trăm triệu đồng*) còn lại chuyển vào tài khoản của bị cáo A. Sau khi nhận được tiền, bị cáo Nguyễn Tuấn A không chuyển tiền cho ai, không nhờ ai giúp đỡ, cũng không thực hiện những lời đã hứa với anh H1 và ông H, toàn bộ số tiền nhận được bị cáo đã sử dụng cho mục đích cá nhân hết. Từ khi chuyển tiền đến tháng 3/2023, anh H1 và ông H nhiều lần liên lạc với bị cáo để hỏi về việc chuyển công tác, nhưng bị cáo Nguyễn Tuấn A đều trả lời từ từ đã. Đến tháng 4/2023, anh H1 được chuyển công tác về Phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy Công an tỉnh Điện Biên. Sau đó, anh H1 và ông H biết bị cáo A không thực hiện những việc như đã hứa, nên đã nhiều lần đòi tiền nhưng bị cáo không trả. Đến tháng 12/2023, anh H1 biết thông tin bị cáo Nguyễn Tuấn A bị bắt về hành vi giả là Công an, lừa đảo chiếm đoạt tài sản nên cùng với ông Trương Xuân H làm đơn tố giác tội phạm.

Tại Công văn số 1838 ngày 09/12/2023 của Phòng tổ chức cán bộ Công an tỉnh Điện Biên xác định: không có trường hợp cán bộ chiến sỹ công tác tại Công an tỉnh Điện Biên tên là Nguyễn Tuấn A, sinh ngày 25/02/1983, nơi đăng ký thường trú: tổ dân phố 3, phường V, quận N, thành phố Hà Nội, số căn cước công dân: 001083029372, cấp ngày 18/12/2021, Nơi cấp: Cục quản lý hành chính về trật tự xã hội.

Cũng tại Công văn số: 476 ngày 17/4/2024 của Phòng tổ chức cán bộ Công an tỉnh Điện Biên khẳng định: việc điều động đối với đồng chí Trung tá Trương Xuân H1 được thực hiện theo đúng quy định tại Thông tư số 91/2021/TT-BCA ngày 11/01/2021 của Bộ Công an quy định về điều động sĩ quan, hạ sĩ quan, công nhân công an trong Công an nhân dân, không có ai tác động đến việc điều động đối với đồng chí Trương Xuân H1.

Bản cáo trạng số 15/CT-VKS-P2 ngày 25/6/2024 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên truy tố bị cáo Nguyễn Tuấn A về tội "*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*" theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 174 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo Nguyễn Tuấn A đề nghị Hội đồng xét xử sơ thẩm như sau:

- Tuyên bố bị cáo Nguyễn Tuấn A phạm tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản, áp dụng điểm a khoản 3 Điều 174; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm b khoản 1 Điều

51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Tuấn A từ 09 năm đến 10 năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 09/12/2023.

Không áp dụng hình phạt bổ sung theo quy định tại khoản 5 Điều 174 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo.

Về vật chứng của vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sự, Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự để xử lý vật chứng như sau: tịch thu sung ngân sách Nhà nước 01 điện thoại di động nhãn hiệu iphone 14 pro, màu trắng, điện thoại đã cũ qua sử dụng thu giữ của Nguyễn Tuấn A.

Về trách nhiệm dân sự: bị cáo và gia đình bị cáo đã bồi thường toàn bộ số tiền 450.000.000 đồng cho các bị hại Lương Văn S và Trương Xuân H, tại phiên tòa các bị hại không có yêu cầu bồi thường gì khác. Việc thỏa thuận là đúng quy định của pháp luật cần chấp nhận.

Về án phí: áp dụng Điều 135, Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, buộc bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Bị hại ông Lương Văn S trình bày tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa: khoảng tháng 3/2022, ông gặp và quen Tuấn A qua việc mua bán gỗ, Tuấn A tự giới thiệu là Công an làm ở Hà Nội, được điều động lên tỉnh Điện Biên công tác. Khi nghe giới thiệu như vậy, ông nói có cháu là Tòng Thái S đang thực hiện nghĩa vụ Công an tại Trại tạm giam Công an tỉnh Điện Biên muốn xin vào biên chế ngành Công an; Tuấn A nói có nhiều mối quan hệ có thể giúp được, nên ông đã bảo bố đẻ cháu S là ông Tòng Văn B nhờ Tuấn A giúp. Tháng 07/2022, Nguyễn Tuấn A yêu cầu ông đưa 100.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng để lo công việc cho Sơn, ông đã bảo với ông B chuẩn bị. Sau đó, ông B chỉ đưa 50.000.000 đồng cho ông để chuyển cho Tuấn A nhờ lo công việc cho cháu S như đã hứa. Tuy nhiên tháng 8/2023 cháu S không đỗ đại học, không có tên trong danh sách kết nạp Đảng nên ông liên lạc với Tuấn A nhưng Tuấn A nói không can thiệp được. Thấy Tuấn A không giúp được nên ông yêu cầu Tuấn A trả lại số tiền 50.000.000 đồng. Ngày 28/11/2023, Nguyễn Tuấn A đã trả số tiền 50.000.000 đồng cho ông, ông đã trả lại tiền cho ông B, do nghi ngờ Tuấn A lừa đảo nên ông đã trình báo Công an. Ông Lương Văn S không có yêu cầu gì khác đối với bị cáo A; tại phiên tòa ông xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Bị hại ông Trương Xuân H trình bày tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa: khoảng đầu tháng 5/2022, có anh Ú, nhà ở xã Q, huyện T dẫn một người đàn ông về nhà ông ăn cơm ở bản M, xã M, huyện T, đó là bị cáo Nguyễn Tuấn A giới thiệu là Công an, cấp bậc Trung tá, làm ở Bộ Công an được điều động lên giúp việc cho Giám đốc Công an tỉnh Điện Biên, có nhiều mối quan hệ có thể xin việc được cho anh em trong ngành Công an được chuyển vùng công tác. Ông đã kể với bị cáo A có con trai là Trương Xuân H1 từng là Đội trưởng Đội canh sát phòng chống ma túy Công an huyện Tuần Giáo, được điều động lên công tác tại Công an huyện Tủa Chùa, thương H làm việc xa nhà nên ông đã nhờ

Tuấn A xem có cách nào giúp H về gần gia đình. Tuấn Anói là được và bảo ông đưa cho Tuấn A số tiền 500.000.000 đồng thì sẽ giúp anh H1 quay về làm đội trưởng đội Cảnh sát phòng chống ma túy Công an huyện Tuần Giáo. Ông có nói cho anh H1 biết về việc này. Ngày 18/6/2022 và 19/6/2022 Trương Xuân H1 có điện thoại cho ông nói chuyển tiền cho H để lo việc nếu không chuyển luôn thì người ta không chấp nhận nữa. Nghe H nói vậy nên ngày 20/6/2022, ông ra ngân hàng chuyển 400.000.000 đồng vào tài khoản của H, rồi ông bảo H liên lạc với Tuấn A. Từ khi nhận tiền của ông, không thấy H được chuyển công tác như Tuấn A đã hứa nên nhiều lần nhắn tin giục, Tuấn A nói cứ yên tâm. Đến tháng 4/2023, H được chuyển công tác về Phòng Cảnh sát phòng chống ma túy Công an tỉnh Điện Biên, sau đó, biết việc Tuấn A không xin được cho H chuyển công tác nên ông đã gọi điện cho Tuấn A đòi số tiền 400.000.000 đồng nhưng Tuấn A khất nhiều lần. Do thấy trên phương tiện thông tin đại chúng phát thông tin truy tìm bị hại của Tuấn A nên ông mới biết việc Tuấn A lừa ông nên ông đã đến Cơ quan Công an để tố giác. Ngày 23/5/2024, gia đình bị cáo đã trả cho gia đình ông số tiền 200.000.000 đồng; ngày 12/8/2024 ông H đã được gia đình bị cáo A trả tiếp 200.000.000 đồng, tính đến thời điểm xét xử sơ thẩm ông và gia đình đã nhận đủ số tiền 400.000.000 đồng, do đó ông không có yêu cầu gì khác.

Bị hại anh Trương Xuân H1 trình bày tại Cơ quan điều tra: vào năm 2022, anh có quen biết Tuấn A, thấy Tuấn A giới thiệu là Công an và quen biết nhiều người là Công an nên anh nghĩ là thật. Tháng 4/2022, anh được điều chuyển về làm cán bộ Công an xã M, huyện T, đến tháng 5/2022, Tuấn A nói lo được 500.000.000 đồng đưa cho Tuấn A sẽ xin giúp cho anh về Công an huyện Tuần Giáo. Bố anh là Trương Xuân H có nói với anh về việc Tuấn A là Công an ở Hà Nội được điều chuyển lên Công an tỉnh Điện Biên và giúp việc cho Giám đốc Công an tỉnh Điện Biên, có thể xin giúp cho anh về Công an Tuần Giáo nhưng phải mất ít nhất là 500.000.000 đồng. Đến tháng 6/2022, Tuấn A nói chuẩn bị 400.000.000 đồng trước để lo việc nên bố anh là ông Trương Xuân H đã chuyển khoản cho anh 400.000.000 đồng và anh chuyển vào tài khoản mà Tuấn A gửi cho anh số tiền 400.000.000 đồng. Sau khi nhận tiền từ tháng 6/2022 đến tháng 3/2023, anh và bố anh nhiều lần nhắn tin gọi điện cho Tuấn A nhưng Tuấn A đều trả lời là “từ từ đã”. Đến 4/2023 anh được điều chuyển về Phòng cảnh sát ma túy, Công an tỉnh Điện Biên lúc này anh mới biết Tuấn A không xin được việc nên đã nhiều lần đòi Tuấn A trả lại tiền. Đến tháng 12/2023, anh thấy thông tin Tuấn A bị bắt về hành vi lừa đảo nên đã làm đơn tố cáo hành vi của Tuấn A. Ngày 23/5/2024, gia đình bị cáo đã trả cho gia đình anh số tiền 200.000.000 đồng. Tại đơn xin xét xử vắng mặt đề ngày 02/8/2024, của anh Trương Xuân H1 trình bày: đã được gia đình bị cáo A trả tiếp 200.000.000 đồng, tính đến thời điểm xét xử sơ thẩm anh và gia đình đã nhận đủ số tiền 400.000.000 đồng, do đó anh không có yêu cầu gì khác.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Tòng Văn B trình bày tại Cơ quan điều tra: ông B quen biết Tuấn A qua ông Lương Văn S là thông gia, trong những lần gặp nhau Tuấn A có giới thiệu là Công an dưới Hà Nội lên tỉnh Điện

Biên đề công tác có nhiều mối quan hệ có thể giúp cho con trai ông là Tòng Văn S, đang đi nghĩa vụ Công an tại Trại tạm giam Noong Bua, Công an tỉnh Điện Biên được giấy khen, được vào Đảng và giúp cho cháu S được vào ngành Công an, Tuấn A có yêu cầu ông chuẩn bị tiền, ông đã đưa cho Tuấn A 50.000.000 đồng trước để lo cho cháu S những việc trên. Nhưng từ tháng 07/2022 đến nay cháu S vẫn chưa có giấy khen nào, chưa được vào Đảng và chưa chuyển về Tuần Giáo mà còn bị chuyển đi xa hơn, hiện cháu S vẫn đang đi nghĩa vụ Công an tại phân trại C10, Trại tạm giam Công an tỉnh Điện Biên, chưa được vào biên chế chính thức ngành Công an, ông biết Tuấn A không giúp được nên đã bảo ông S bảo Tuấn A trả lại tiền cho ông, sau nhiều lần đòi thì đến tháng 11/2023 ông được ông S trả lại đủ số tiền 50.000.000 đồng, ông không có yêu cầu gì khác đối với bị cáo.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Văn Viết T trình bày tại Cơ quan điều tra: Tuấn A và ông có mối quan hệ liên quan với nhau. Khoảng 09 giờ 00 ngày 20/6/2022, Tuấn A có nhắn tin cho ông nhờ ông gửi số tài khoản của ông cho Tuấn A để đi rút tiền hộ, ông đồng ý và gửi số tài khoản qua Zalo cho Tuấn A. Đến khoảng 10 giờ ngày 20/6/2024, tài khoản của ông nhận được số tiền 400.000.000 đồng, khi đó ông không để ý ai là người chuyển tiền đến, sau khi Điều tra viên hỏi ông mới biết do anh H1 chuyển đến. Sau khi nhận được tiền, Tuấn A gọi điện cho ông rút 100.000.000 đồng tiền mặt để đưa cho Tuấn A và chuyển khoản 300.000.000 đồng vào tài khoản ngân hàng của Tuấn A; ông không biết tiền đó là tiền gì.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Đào Xuân Tr trình bày tại Cơ quan điều tra: ông quen biết Tuấn A từ cuối năm 2022, khoảng 07 giờ sáng ngày 18/11/2023, Tuấn A có nhờ ông chuyển 50.000.000 đồng vào số tài khoản tên là “LUONG VAN SINH” nói là tài khoản của Tuấn A không tiện sử dụng để chuyển thẳng cho người ta, ông cũng không hỏi rõ lý do và chuyển số tiền trên vào số tài khoản mà Tuấn A đưa. Ông không biết số tiền 50.000.000 đồng là tiền gì.

Người làm chứng ông Lê Văn U trình bày tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa: ông có vài lần vào nhà ông H cùng Tuấn A để giúp Tuấn A mua gỗ của ông H, vào khoảng tháng 5 hoặc tháng 6/2022, ông cùng Tuấn A vào nhà ông H chơi, vợ chồng ông H đều ở nhà. Ông nghe thấy Tuấn A nói với gia đình ông H là cán bộ ở Cục tình báo Bộ Công an lên Điện Biên để giúp việc cho Giám đốc Công an tỉnh Điện Biên, trong quá trình nói chuyện với gia đình ông H, Tuấn A nhiều lần khẳng định có thể giúp anh H1 quay lại công tác tại vị trí Đội trưởng Đội hình sự kinh tế ma túy Công an huyện Tuần Giáo. Sau đó có vài lần Tuấn A bảo ông vào nhà ông H chở gỗ hộ Tuấn A, việc thoả thuận mua bán gỗ như thế nào ông không biết. Ông không rõ Tuấn A yêu cầu gia đình ông H đưa bao nhiêu tiền, nhưng có một buổi tối, ông H gọi điện cho ông nói cần 400.000.000 đồng để xin cho Hân quay về cương vị cũ, chuyển cho Tuấn A để lo việc đó. Ông nói đưa tiền cho Tuấn A chưa chắc được việc, ông không có tiền cho ông H vay. Sau chuyện này ông mới biết Tuấn A yêu cầu gia đình ông H chuyển

400.000.000 đồng, còn ông H có chuyển tiền, số tiền bao nhiêu ông không biết và ông H cũng không nói.

Tại phiên tòa, bị cáo khai nhận hành vi phạm tội của mình, không tranh luận gì với đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh về tội danh cũng như hình phạt; bị cáo cũng không có ý kiến gì đối với lời khai của những người vắng mặt đã được công bố tại phiên tòa. Trong lời nói sau cùng bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng

Địa điểm xảy ra tội phạm xảy ra tại thành phố Điện Biên Phủ, huyện Tuần Giáo, tỉnh Điện Biên; do hành vi phạm tội xảy ra trên nhiều địa bàn huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh; hành vi phạm tội của bị cáo liên quan đến uy tín của ngành Công an. Căn cứ quy định điểm b khoản 5 Điều 163; điểm c khoản 2 Điều 268 của Bộ luật Tố tụng hình sự thuộc thẩm quyền điều tra của Cơ quan CSĐT cấp tỉnh và thẩm quyền xét xử của Tòa án nhân dân cấp tỉnh.

Về sự vắng mặt của những người tham gia tố tụng đã được Tòa án triệu tập hợp lệ: bị hại anh Trương Xuân H1 vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án ông Tòng Văn B, ông Văn Viết T, ông Đào Xuân Tr đều có đơn xin xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử xét thấy, việc vắng mặt của những người có tên trên không làm ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án và họ đã có lời khai tại cơ quan điều tra, trong đơn xin xét xử vắng mặt họ đều có ý kiến giữ nguyên lời khai tại cơ quan điều tra. Do đó, căn cứ quy định tại các Điều 292, 293 của Bộ luật Tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử sơ thẩm quyết định tiếp tục xét xử vụ án theo thủ tục chung.

Về sự vắng mặt của Kiểm sát viên: tại phiên tòa Kiểm sát viên Nguyễn Hữu Sơn vắng mặt vì lý do công tác, tuy nhiên Kiểm sát viên Nhữ Thị Thanh Nhân có mặt, do đó, căn cứ khoản 1 Điều 289 của Bộ luật Tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử sơ thẩm tiếp tục xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[2] Về hành vi phạm tội

Qua tranh tụng công khai tại phiên tòa có đủ cơ sở để Hội đồng xét xử xác định: do cần tiền để sử dụng cho mục đích tiêu xài cá nhân, bị cáo Nguyễn Tuấn A lợi dụng sự tin tưởng của các bị hại nhiều lần đưa ra thông tin gian dối để chiếm đoạt tài sản của các bị hại, cụ thể như sau:

Lần thứ nhất: thông qua các cuộc nói chuyện bị cáo A để mặc cho ông Lương Văn S tin tưởng bản thân là cán bộ đang công tác tại Bộ Công an, mới được điều động lên Công an tỉnh Điện Biên công tác. Bị cáo có nhiều mối quan hệ có thể xin cho cháu Tòng Văn S đang thực hiện nghĩa vụ tại Trại tạm giam Công an tỉnh Điện Biên vào biên chế ngành Công an, xin giấy khen, kết nạp

Đảng để được cộng điểm thi đại học vào ngành Công an. Khoảng tháng 7/2022, ông S bảo ông Tòng Văn B (là bố đẻ của cháu S) chuẩn bị tiền để đưa cho bị cáo Nguyễn Tuấn A lo việc cho cháu S; ông B chuẩn bị được 50.000.000 đồng (*Năm mươi triệu đồng*) đưa cho ông S; ông S mang tiền giao trực tiếp cho bị cáo A. Sau khi nhận tiền từ ông S, bị cáo A không nhờ ai giúp đỡ, không thực hiện những lời đã hứa mà chi tiêu cho mục đích cá nhân hết.

Lần thứ hai: tháng 4/2022, khi biết anh Trương Xuân H1 được điều chuyển công tác từ Công an huyện Tuần Giáo lên Công an xã Mường Báng, huyện Tủa Chùa; bị cáo Nguyễn Tuấn A gặp và nói chuyện làm ông Trương Xuân H (bố đẻ của anh H1) và anh **Trương Xuân H** tin tưởng bị cáo là cán bộ Công an công tác ở Bộ Công an, cấp hàm Trung tá, mới được tăng cường lên Công an tỉnh Điện Biên, có quen biết nhiều lãnh đạo; bị cáo có thể xin cho anh H1 được quay lại cương vị cũ ở Công an huyện Tuần Giáo, nhưng phải có khoảng 500.000.000 đồng (*Năm trăm triệu đồng*) để lo việc. Khoảng tháng 6/2022, bị cáo Nguyễn Tuấn A gọi điện cho anh H1, bảo chuẩn bị số tiền 400.000.000 đồng (*Bốn trăm triệu đồng*) đưa cho bị cáo A để lo việc, hẹn đến tháng 10/2022 sẽ được về huyện Tuần Giáo theo nguyện vọng. Sau khi nhận được tiền, bị cáo Nguyễn Tuấn A không chuyển tiền cho ai, không nhờ ai giúp đỡ, toàn bộ số tiền nhận được bị cáo đã chi tiêu cho mục đích cá nhân hết.

Lời khai của bị cáo phù hợp với Đơn trình báo của ông Lường Văn S (BL 01 - 41); Đơn tố giác tội phạm của ông Trương Xuân H, anh Trương Xuân H1 (BL 42 - 43); Biên bản khám xét (BL 50 - 51); Biên bản niêm phong đồ vật, tài liệu bị tạm giữ (BL 52); Biên bản kiểm tra điện thoại của ông Lường Văn S, bị cáo Nguyễn Tuấn A (BL 55 - 122); Kết luận giám định (BL 177 - 185; 190 - 192; 199 - 201); Biên bản ghi lời khai của bị hại ông Lường Văn S (BL 259 - 268), ông Trương Xuân H (BL 270 - 272), anh Trương Xuân H1 (BL 274 - 277; lời khai của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án (BL 214 - 257) và phù hợp với các chứng cứ khác của vụ án.

Như vậy, có đủ cơ sở để xác định bị cáo Nguyễn Tuấn A đã dùng thủ đoạn gian dối thể hiện qua lời nói nhằm mục đích để các bị hại tin các thông tin: như là cán bộ công tác tại Bộ Công an, mới được điều động lên công tác tại Công an tỉnh Điện Biên, có thể xin chuyển nơi công tác trong ngành Công an, xin vào ngành Công an, làm cho ông Lường Văn S, ông Trương Xuân H và anh Trương Xuân H1 tin tưởng đó là sự thật nên tự nguyện giao tiền, tài sản cho bị cáo. Ông Lường Văn S đưa 50.000.000 đồng (*Năm mươi triệu đồng*), ông Trương Xuân H và anh Trương Xuân H1 đưa 400.000.000 đồng (*Bốn trăm triệu đồng*); tổng tài sản bị cáo chiếm đoạt được của các bị hại trị giá 450.000.000 đồng (*Bốn trăm năm mươi triệu đồng*). Hành vi của bị cáo gây nguy hiểm đặc biệt lớn cho xã hội, đủ yếu tố cấu thành tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản, với tình tiết tăng nặng định khung quy định tại điểm a khoản 3 Điều 174 của Bộ luật Hình sự.

Cáo trạng 15/CT-VKS-P2 ngày 25/6/2024 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên truy tố bị cáo Nguyễn Tuấn A về tội danh, điểm, khoản, điều luật áp dụng là có căn cứ, Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo:

Bị cáo có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự và nhận thức rõ hành vi của mình bị Nhà nước nghiêm cấm nhưng vẫn cố ý thực hiện. Hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của bị cáo xâm hại quyền sở hữu tài sản của người khác. Hành vi giả danh là cán bộ Công an để tạo lòng tin nhằm chiếm đoạt tiền của bị cáo đã gây ảnh hưởng xấu đến hình ảnh người Công an nhân dân, gây mất trật tự an toàn xã hội.

[4] Xét nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ:

Bị cáo Nguyễn Tuấn A được gia đình tạo điều kiện học tập văn hóa đến lớp 5/12, sau đó nghỉ học. Bị cáo tuy không có tiền án, tiền sự nhưng có nhân thân xấu, đã nhiều lần bị Tòa án xét xử và bị xử phạt hành chính: ngày 05/4/1999, bị Tòa án nhân dân huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội xử phạt 24 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 48 tháng về tội Cướp tài sản; Ngày 30/7/2015, bị Tòa án nhân dân quận N, thành phố Hà Nội xử phạt 03 năm tù, ngày 28/9/2015 bị Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội xét xử phúc thẩm, xử phạt 36 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 60 tháng về tội Cố ý gây thương tích; Ngày 28/3/2007 bị Công an huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội xử phạt 500.000 đồng về hành vi Đánh bạc; Ngày 13/6/2007, bị Công an xã Trung Văn, huyện Từ Liêm (nay là phường V, quận N, thành phố Hà Nội) xử phạt 350.000 đồng về hành vi Đánh người, tất cả các tiền án, tiền sự trên của bị cáo đều đã được xoá án tích, xoá tiền sự. Về tình tiết giảm nhẹ: quá trình điều tra, truy tố, xét xử, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo đã bồi thường 50.000.000 đồng (*Năm mươi triệu*) cho ông Lương Văn S và tác động nhờ anh trai là Nguyễn Chí C và gia đình bồi thường 400.000.000 đồng (*Bốn trăm triệu đồng*) cho ông Trương Xuân H; tại phiên tòa bị hại Lương Văn S, bị hại Trương Xuân H xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa áp dụng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm b, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự cho bị cáo.

Bị cáo có 02 lần thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản, do đó bị cáo phải bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự. Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên về áp dụng tình tiết tăng nặng đối với bị cáo là có căn cứ, Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về hình phạt chính:

Từ các phân tích tại các đoạn [1], [2], [3], Hội đồng xét xử thấy cần thiết phải xử phạt bị cáo mức hình phạt tù có thời hạn phù hợp với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo. Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên về hình phạt chính đối với bị cáo là có căn cứ Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Về hình phạt bổ sung:

Căn cứ vào biên bản xác minh tài sản và qua tranh tụng tại phiên tòa cho thấy, gia đình bị cáo không có tài sản giá trị; bị cáo không có thu nhập thường xuyên, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên đề nghị Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản theo quy định tại khoản 5 Điều 174 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo là phù hợp, Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Các vấn đề khác của vụ án:

Đối với các ông Văn Viết T, Đào Xuân Tr, Phạm Tuấn V là những người đã nhận, chuyển tiền giúp bị cáo nhưng không biết nguồn gốc số tiền do bị cáo phạm tội mà có, không được hưởng lợi gì từ số tiền này, Hội đồng xét xử không đặt vấn đề xem xét, xử lý.

Theo lời khai ban đầu của bị cáo Nguyễn Tuấn A, bị cáo đã nhờ anh Nguyễn Văn K đưa tiền cho anh Nguyễn Văn T nhờ xin chuyển công tác cho anh Trương Xuân H1 và nhờ ông Nguyễn Văn H giúp đỡ đối với cháu Tùng Thái S. Tuy nhiên, quá trình điều tra không có đủ căn cứ để xác định về nội dung này, do đó, Hội đồng xét xử không đặt vấn đề xem xét.

[8] Trách nhiệm bồi thường dân sự:

Tổng số tiền bị cáo chiếm đoạt của các bị hại là 450.000.000 đồng; trong quá trình tố tụng bị cáo đã trả cho ông Lương Văn S đủ số tiền 50.000.000 đồng (*Năm mươi triệu đồng*), quá trình điều tra và tại phiên tòa ông S không có yêu cầu gì thêm.

Đối với số tiền 400.000.000 đồng (*Bốn trăm triệu đồng*) bị cáo chiếm đoạt của ông Trương Xuân H, ngày 23/5/2024 gia đình bị cáo đã trả cho ông Trương Xuân H số tiền 200.000.000 đồng (*Hai trăm triệu đồng*). Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử, gia đình bị cáo đã bồi thường tiếp số tiền còn lại là 200.000.000 đồng (*Hai trăm triệu đồng*), tại phiên tòa và trong đơn xin xét xử vắng mặt ông Trương Xuân H và anh Trương Xuân H1 không có yêu cầu bồi thường gì khác. Do đó, áp dụng khoản 1 Điều 48 của Bộ luật Hình sự; các Điều 584, 585, 586, 589 của Bộ luật Dân sự ghi nhận việc bị cáo Nguyễn Tuấn A đã bồi thường xong cho các bị hại ông Lương Văn S, ông Trương Xuân H và anh Trương Xuân H1.

[8] Về vật chứng: áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; điểm a khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự, xử lý như sau:

- 01 (Một) Chiếc điện thoại di động cảm ứng màu trắng, loại Iphone 14 Pro, kèm theo 01 sim Vinaphone, số thuê bao 0914.661.368, điện thoại đã qua sử dụng, mặt khóa màn hình là “201688” tạm giữ của Nguyễn Tuấn A. Quá trình tố tụng đã làm rõ thuộc sở hữu hợp pháp của bị cáo A, bị cáo đã sử dụng điện thoại vào việc phạm tội, do đó, cần tịch thu nộp vào ngân sách nhà nước.

- Đối với 01 điện thoại di động cảm ứng màu đen, nhãn hiệu ViVo V21 5G thu giữ của ông **Lương Văn S**; 02 chiếc quần trang phục sỹ quan an ninh nhân dân có kèm theo 01 tờ giấy ghi tên Phan Hồng Q do chị Nguyễn Thị H giao nộp; 01

máy tính nhãn hiệu Dell Vostro, 01 điện thoại di động iphone 8, 01 điện thoại di động nhãn hiệu Vertus -024657, 01 điện thoại nhãn hiệu iphone 11 promax thu giữ trong quá trình khám xét nhà bị cáo. Quá trình điều tra xác định không liên quan đến hành vi phạm tội, Cơ quan điều tra đã trả lại cho chủ sở hữu hợp pháp theo Quyết định xử lý vật chứng số 40 ngày 10/01/2024 và Quyết định xử lý đồ vật, tài sản số 469 ngày 21/5/2024, đúng với quy định tại Điều 36 và Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử chấp nhận.

[9] Về án phí:

Căn cứ Điều 135; Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

[10] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Điện Biên, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện theo đúng quy định về thẩm quyền, trình tự, thủ tục, các quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 3 Điều 174 của Bộ luật Hình sự.

1. Tuyên bố:

Bị cáo Nguyễn Tuấn A phạm tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản.

Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 174; điểm b, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 của Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Nguyễn Tuấn A 09 (chín) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 09/12/2023.

2. Về trách nhiệm bồi thường dân sự: áp dụng khoản 1 Điều 48 của Bộ luật Hình sự; các Điều 584, 585, 586, 589 của Bộ luật Dân sự.

Ghi nhận việc bị cáo Nguyễn Tuấn A đã bồi thường xong số tiền 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng) cho ông Lương Văn S; bồi thường xong số tiền 400.000.000 đồng (Bốn trăm triệu đồng) cho ông Trương Xuân H.

3. Về xử lý vật chứng: áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; điểm a khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự, xử lý như sau:

Tịch thu nộp vào ngân sách nhà nước 01 (Một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 14 Pro, màu trắng, điện thoại đã cũ, đã qua sử dụng, số IMEI:

355001505528843, số IMEI2: 355001505730035, bên trong gắn 01 sim nhãn hiệu Vinaphone, trên mặt Sim in hàng số: 89840200011126138344 tạm giữ của Nguyễn Tuấn A. Điện thoại đã được niêm phong trong phong bì niêm phong của Phòng kỹ thuật Hình sự Công an tỉnh Điện Biên được dán kín, mặt trước phong bì có ghi chữ có nội dung như trên. Mặt sau có chữ ký, họ tên của Dương Văn L, Lò May Th và 02 dấu đỏ của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Điện Biên.

(Theo biên bản giao, nhận vật chứng giữa Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Điện Biên và Cục thi hành án dân sự tỉnh Điện Biên ngày 26 tháng 6 năm 2024).

4. Về án phí: áp dụng Điều 135; Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, buộc bị cáo Nguyễn Tuấn A phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: áp dụng Điều 331; Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Bị cáo Nguyễn Tuấn A, bị hại ông Lường Văn S, bị hại ông Trương Xuân H có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại anh Trương Xuân H1 có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án ông Tòng Văn B, ông Văn Viết T, ông Đào Xuân Tr có quyền kháng cáo bản án phần có liên quan đến quyền lợi và nghĩa vụ của mình trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án./.

Nơi nhận:

- Vụ Giám đốc 1 TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Điện Biên
- Công an tỉnh Điện Biên (PC02);
- Phòng HSNV Công an tỉnh Điện Biên;
- Trại Tạm giam;
- Bị cáo; Người có QLNVLQ;
- Cục thi hành án DS tỉnh Điện Biên;
- Sở Tư pháp tỉnh Điện Biên;
- Lưu: HS, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Hòa